

Rừng núi Tân Biên

NGUYỄN BÁ HOA



Ảnh 14 : Nhà sàn hai nóc của người Chăm.

ở Tây- Ninh (ảnh: Phan văn Dốp)

*Bước lên xe kiếng chín từng,
Đường về thăm mẹ trước rừng sau truông .
Ca dao*

Dấu vết chiến tranh trong quá khứ tuy được xóa mờ, nhưng phần nào vẫn tồn tại rải rác đó đây, rừng thu từng biếc chen hồng, đã bao lần thay lá, nước sông Vàm Cỏ Đông mỗi năm hai mùa mưa nắng đã gột rửa nỗi niềm cay đắng thời chinh chiến đã qua. Rừng Tân Biên là vùng biên giới của Việt Nam giáp Cambodge, ngày xưa những dãy rừng trùng điệp, nhiều truông, nhiều trảng, dân cư thưa thớt. Nơi đây, rừng nhiệt đới, có nhiều loại gỗ lớn có giá trị kinh tế rất cao như cẩm lai (dalbergia bériensis), gỗ, trắc, sao (hopea sp). Trước kia, khách đến Tây Ninh, đôi khi rất ngạc nhiên thấy người ta bán gỗ thay vì tính bằng mét khối (m³) mà tính bằng kg. Đó là trường hợp của gỗ “nu”, loại gỗ quý mà các khối lõi của thân cây có vân ly ty như vân đá cẩm thạch và rất cứng, bền chắc. Ngoài ra, còn có các loại gỗ quý khác như cẩm lai nổi vân hai màu đen trắng uốn éo uyển chuyển như mây lượn, gỗ lõi đánh bóng lên nước, sờ mát lạnh. Đó là đặc điểm của lâm sản Tây Ninh.

Ngược dòng lịch sử, năm 1802, vua Gia Long lên ngôi, phủ Gia Định đổi thành trấn Gia Định. Năm 1808, trấn Gia Định đổi là thành Gia Định. Thành Gia Định gồm có 5 trấn là : Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh, Định Tường và Hà Tiên.

Năm 1832, vua Minh Mạng định lại tổ chức hành chánh ở Gia Định, từ 5 trấn chia thành 6 tỉnh :

- * Phiên An tỉnh thành (trấn Phiên An cũ)
- * Tỉnh Biên Hòa (trấn Biên Hòa cũ)

- * Tỉnh Định Tường (trấn Định Tường cũ)
- * Tỉnh Vĩnh Long (trấn Vĩnh Thanh cũ)
- * Tỉnh An Giang (gồm 3 đạo của trấn Hà Tiên : Đông Khẩu, Tân Châu, Châu Đốc)
- * Tỉnh Hà Tiên gồm 2 đạo còn lại của Hà Tiên là Kiên Giang và Long Xuyên.

Thời kỳ đó, đất Tây Ninh thuộc Phiên An tỉnh thành. Năm 1838, vua Minh Mạng đổi Phiên An tỉnh thành là tỉnh Gia Định.

Tỉnh Gia Định gồm có 3 phủ, 7 huyện.

- Phủ Tân Bình có 3 huyện : Bình Dương, Tân Long, Bình Long.
- Phủ Tân An có 2 huyện : Thuận An và Phước Lộc.
- Phủ Tây Ninh có 2 huyện: Tân Ninh và Quang Hóa. Huyện Tân Ninh đặt huyện lỵ tại vùng thị xã Tây Ninh ngày nay. Huyện Quang Hóa đặt huyện

lỵ tại làng Cẩm Giang.

Sau khi thực dân Pháp chiếm Tây Ninh , năm 1861 việc cai quản ở 2 huyện được thay thế bằng 2 Đoàn Quân sự đặt tại Trảng Bàng và Tây Ninh.

Năm 1868, hai đoàn Quân sự được thay thế bằng hai Ty Hành chánh.

Sau nhiều lần thay đổi, năm 1897 Tây Ninh gồm có 2 quận, 10 tổng, 50 làng :

- Quận Thái Bình có 7 tổng
- Quận Trảng Bàng có 3 tổng.

Địa danh Tây Ninh đã có từ thời nhà Nguyễn, nhưng với chức năng là một Trung tâm hành chánh thì phải kể từ khi thực dân Pháp đặt Tòa tham biện (inspection) đầu tiên vào tháng 6 năm 1867 bên bờ rạch Tây Ninh.

Ngày 1-1-1900, Toàn quyền Paul Doumer cho áp dụng nghị định ký ngày 20-12-1899 đổi các khu tham biện (inspections) là tỉnh (province). Đất Nam Kỳ thời thuộc Pháp được chia làm 20 tỉnh để cai trị và sau đó Cap St. Jacques (Vũng Tàu) tách ra thành tỉnh thứ 21., không hiểu dựa vào nguyên tắc nào mà sắp theo thứ tự, thời đó người ta đã ghép những chữ đầu thành một bài thơ, có vần êm tai, dễ nhớ; theo bảng sắp thứ tự thì Tây Ninh là tỉnh thứ 12. Tuy là dấu vết của thời thực dân Pháp, nhưng cũng xin ghi lại để biết :

Gia, Châu, Hà, Rạch, Trà

Sa, Bến ,Long, Tân, Sóc

Thủ, Tây, Biên, Mỹ, Bà.

Chợ, Vĩnh, Gò, Cần, Bạc và Cấp (Vũng Tàu).

Thời chống thực dân Pháp, người Tây Ninh nhắc nhớ đến Trương Quyền, người anh hùng chống Pháp đã nổi chí chủ tướng Bình Tây Đại Nguyên Soái Trương Định, tiếp tục lãnh đạo nghĩa quân đánh Pháp, đã lập căn cứ tại các xã Hoà Hội, Bông Dung, Trà Vong, Hòa Hiệp, Mỏ Công... để củng cố lực lượng theo kế hoạch trường kỳ kháng chiến, đúng là *Bao ngày chinh chiến nơi đây nhuộm máu anh tài...* Những địa danh này , ngày xưa còn nhiều rừng già mênh mông, xen kẽ trảng, trũng, đầm lầy hoang vu. Rừng nơi đây, ngoài những loại gỗ quý còn có nhiều cây cho trái như: cây trường, sai (trái có từng chùm, khi chín màu đen), ròi (hình dáng như trái bứa nhưng lớn hơn và ăn ngọt hơn), guồ (loại dây leo), chùm đuông... mà ngày nay thỉnh thoảng thấy bày bán ở các chợ quê thuộc huyện Tân Biên...

Vị trí Tân Biên

Rừng Tân Biên mênh mông bạt ngàn, nằm ở biên giới phía bắc tỉnh Tây Ninh. Đông giáp huyện Tân Châu. Phía tây và phía bắc giáp nước Cambodge với đường biên giới 90 km. Phía Nam giáp huyện Châu Thành, Hòa Thành và thị xã Tây Ninh.

- Diện tích Tân Biên : 852, 96 km²

- Dân số : 75.200 người (thống kê 1-4-1999).

Tân Biên gồm có 1 thị trấn và 8 xã : Tân Lập, Tân Bình, Thạnh Tây, Thạnh Bình, Trà Vong, Hòa Hiệp, Mỏ Công và Tân Phong.

Từ trước năm 1945, Tân Biên là vùng đất phía bắc của quận Châu Thành với rừng già mênh mông, dân cư thưa thớt. Những từ ngữ “rừng, trũng, trảng” nghe quen thuộc ở Tây Ninh, nhứt là vùng biên giới Việt – Cambodge, do đó vùng biên giới này là một trong những nơi diễn ra cuộc chiến ác liệt, nhất là trong thời kỳ 1954-1975 .

Tân Biên là huyện mới thành lập sau năm 1975 nên có nhiều thay đổi; ngay từ buổi đầu Tân Biên có diện tích tự nhiên là 1714, 80 km², chiếm 42,5% diện tích toàn tỉnh, gồm 15 xã : Hoà Hiệp, Tân Phú, Tân Hiệp, Tân Lập, Tân Bình, Tân Châu, Tân Hội, Tân Thạnh, Tân Đông, Tân Hưng, Thạnh Đông, Thạnh Nghĩa, Thạnh Tây, Thạnh Bình và Trà Vong. Năm 1979 có thêm xã Suối Dây.

Năm 1982, xã Trà Vong được chia thành 3 xã : Trà Vong, Mỏ Công, Tân Phong do đó Tân Biên có 17 xã.

Ngày 13-5-1989, Tân Biên vì quá rộng so với các huyện khác nên lại tách ra hình thành 2 huyện mới : Tân Biên và Tân Châu. Sau khi tách ra Tân Biên chỉ còn 8 xã : Hòa Hiệp, Mỏ Công, Tân Bình, Tân Lập, Tân Phong, Thạnh Bình, Thạnh Tây và Trà Vong . Năm 1992, lấy một phần đất của xã Thạnh Tây để thành lập thị trấn Tân Biên (huyện lỵ của Tân Biên). Hiện trạng này giữ cho đến ngày nay.

Rừng :

Ngày xưa, đất biên giới Tây Ninh với những rừng già mênh mông, xen kẽ những trảng, trũng, đầm lầy hoang vu còn nhiều loại thú hoang dã, rắn độc, thú dữ.

Theo lịch sử, từ năm 1660, khi Rama Chan (Nặc Ông Chân) quốc vương của nước Chân Lạp qua đời, hoàng tử Batom Reachea, con trai của Hoàng Hậu Somdach Prea Peaccacyo-dey Preavoreac Ksattrey (Bà Ngọc Vạn) lên ngôi vua xứ Chân Lạp, tình giao hảo giữa hai dân tộc Việt và Khơme được thắt chặt hơn. Người Việt được vào sinh cơ lập nghiệp ở vùng Thủy Chân Lạp . Rừng già bạt ngàn, chim kêu vượn hú, cư dân còn thưa thớt “*Má ơi, đừng gả con xa, Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu*” .

Dần dần lưu dân người Việt đến vùng biên giới khai hoang lập ấp. Họ cùng với người Khơme, người Chăm thành lập xóm ấp rải rác nhiều nơi ở ven rừng, bên sông. Người Việt, người Chăm có kinh nghiệm làm lúa nước, người Khơme có kinh nghiệm phá rừng làm rẫy. *Họ là những anh hùng không tên tuổi sống âm thầm trong bóng tối mông mênh ..., đã phá rừng, xẻ núi lấp đồng sáu*, là những người tiên phong khai hoang lập ấp, lấp đồng bưng trũng đầy cỏ tranh, lau sậy, lấm muối mòng gây bệnh... họ đã vượt nhiều nỗi gian nan để tạo thành những vườn cây, ruộng lúa, thôn xóm trù phú ẩm no đến ngày nay.

Trước năm 1975, diện tích rừng của vùng này còn rất lớn với nhiều lâm sản quý.

Nhưng do hậu quả khai thác bừa bãi, ngày nay Tân Biên còn lại phần lớn là rừng tái sinh, *rừng lùm - bụi*.

Sông ngòi :

Tân Biên có sông Vàm Cỏ Đông chạy dọc biên giới phía tây, khúc sông vào địa phận này dài 28 km. Ngoài ra, có chi lưu rạch Bến Đá chạy từ bắc xuống nam. Những bậc tiền hiền ra công khai khẩn dải theo bờ sông Vàm Cỏ Đông, trong thời kỳ đầu khai phá thành xóm cư dân hình thức *xóm-bến* như Bến Tầm Long... Bến Trường Đồi, nơi đây vào tháng 6 năm 1866 , anh hùng Trương Quyền đã giết được đại úy trưởng đồn Pháp Savin de Larclauze.

Về vận chuyển đường thủy hầu như còn hạn chế.

Đường bộ :

Tân Biên có tuyến đường quan trọng là quốc lộ 22B chạy từ chợ trời biên giới Sa Mát mà người ta gọi là cửa khẩu quốc gia, ở phía bắc dọc theo chiều dài của huyện về thị xã Tây Ninh. Tỉnh lộ 792 nối Lò Gò – Sa Mát, tỉnh lộ 792 từ Sa Mát qua Tân Châu đến sông Sài Gòn, tỉnh lộ 783 nối Lò Gò với Thiện Ngôn ...

Truyền thống yêu nước

Dưới triều nhà Nguyễn, khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, trên đất Tân Biên ngày nay, nhiều quan đại thần dưới triều vua Tự Đức, sĩ phu, nghĩa quân đã tự nghĩa, lợi dụng địa thế rừng rậm hiểm trở quyết liệt chống Pháp.

Tại Trà Vong, Quan đại thần **Huỳnh Công Giản** liên tục bảo vệ đồng bào được an cư lạc nghiệp chống lại giặc cướp phá biên giới. Sau khi ông tử trận, nhân dân trong vùng nhớ ơn ngài đã lập đền thờ tứ thời quý tế, trước đền thờ có hàng chữ lớn: QUAN LỚN TRÀ VONG.

Nghĩa quân của **Trương Quyền** đã chiến thắng ở đồn Thuận Kiều làm cho quân Pháp tổn thất nặng nề, làm chần động cả Sài Gòn, Gia Định. Quân Pháp cấp tốc tập trung lực lượng định kéo đến mở cuộc tấn công lớn vào nghĩa quân, nhưng Trương Quyền đã mưu lược điều quân tấn công vào Trảng Bàng, viên quan hai Eymard một mặt đốc thúc quân lính chống lại, mặt khác cầu cứu quân Pháp ở Tây Ninh xuống tiếp viện. Nghĩa quân đã làm cho một số lính Pháp bị thương và chết, Trương Quyền áp dụng cách tấn công táo bạo *xuất kỳ bất ý, đánh nhanh rút nhanh*, rồi phân tán rút quân vào rừng Trà Vong, Hòa Hội và Bểng Đung để bảo toàn lực lượng.

Cũng nơi vùng đất linh thiêng Trà Vong, Trương Quyền và nghĩa quân của ông đã lập được nhiều chiến tích vang dội trong cuộc kháng Pháp, tiêu biểu là trận phục kích của nghĩa quân ngày 2-7- 1866 khi quân Pháp đánh vào vùng căn cứ này. Quân địch bị phục kích khi đem quân tấn công và cũng bị phục kích trên đường rút chạy nên thiệt hại của chúng rất nặng nề.

Nhưng về sau, nghĩa quân của ông vĩ thiếu vũ khí, đạn dược, thiếu lương thực, thuốc men nên yếu dần và tan rã, Trương Quyền cho dựng trại dưỡng bệnh tại rừng Bến Kéo và tạ thế ngày 20 tháng 8 âm lịch (năm 1871) ở độ tuổi 55.

Sau ngày ký Hiệp định Genève 20-7-1954, để giữ gìn an ninh trật tự cho đồng bào, chánh quyền Việt Nam Cộng Hoà (VNCH) cho đóng các đồn ở Càn Đăng, Sa Mát, Cà Tum, Bàu Cỏ ...

Càng về sau, vào thập niên 1960, có những địa danh khá nổi tiếng với những căn cứ quân sự như phi trường Thiện Ngôn, Trại Bí, Sa Mát, Đồn Pan, Cà Tum, Trảng Lớn.

Sau ngày 30-4-1975, đồng bào Tân Biên còn phải đương đầu với cuộc chiến của bè lũ Pôn Pốt. Chúng đã gây nhiều tội ác man rợ, làm tổn thất nhiều sinh mạng và tài sản của đồng bào.

Tân Biên, đây quê hương thống khổ!

Rừng rậm biên giới Tân Biên, xã Tân Lập với những địa danh như trảng A Lân (Bàu Chảo), xóm Giữa, xã Hiệp Hòa... có bao nhiêu tổ chức quân sự, chánh trị bí mật đặt cơ sở nơi đây. Nhìn vào bản đồ Tây Ninh, ta thấy dọc theo biên giới Việt Nam - Cambodge (thuộc Tân Biên) có những cơ quan bí mật thời bấy giờ như MTDTGPMN, TƯCMN (cục R), CPCMLTCHMNVN. Nhân dân vùng biên giới chịu biết bao cảnh đọa đày trong chiến tranh, có thể nói *đây sa trường, đây nắm mộ trời Nam!*

Tôi xin trích một đoạn trong bài “*Những người cộng sản bị khai trừ*” của tác giả Nguyễn Văn Lục: “*Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam (MTDTGPMN) - Phần đông những người của MTDTGPMN đều là trí thức, chuyên viên. Có tất cả khoảng 30 người vào khu. Chỉ có ba cặp vợ chồng, còn tất cả đi một mình. Có thêm 6 thanh niên chưa 30 tuổi.*”

Vào khu rồi bà bác sĩ Dương Quỳnh Hoa mới thành hôn với kỹ sư Huỳnh văn Nghị. Ngay sau 1975, chừng một tháng, Hà Nội đã xóa sổ MTDTGPMN. Từ đó những người đã theo Mặt trận bất mãn, chống đối, ly khai. Họ là những người như Lữ Phương, Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín, Nguyễn Trọng Văn, (ba người này không vào khu, vẫn ở thành phố), Trương Như Tảng, Dương Quỳnh Hoa... Trước đây, họ bị coi là bù nhìn, sau họ cảm thấy bị phỉnh gạt trắng trợn. Phần lớn âm thầm, nuốt nhục rút lui, hoặc trốn ra ngoại quốc như bộ trưởng Trương Như Tảng. Dù sao, bỏ quên là một hình thức khai trừ nhẹ nhàng nhất mà họ may mắn được hưởng. Hoặc xin ra khỏi đảng như vợ chồng bác sĩ Dương Quỳnh Hoa ...

Bà Dương Quỳnh Hoa mất ngày 25-2-2006 tại Sài Gòn. Sinh thời, bà theo học ngành thuốc tại Sài Gòn và nhất là tại Pháp, gia nhập đảng cộng sản Pháp vào những năm 1948 – 1954. Với tư tưởng xã hội và cấp tiến như thế, bà tham gia MTDTGPMN. Sau bà thú nhận, đó là một ảo tưởng chính trị trong đời. ”

“Ông Huỳnh văn Nghị, chồng bà đã phản đối quyết định thống nhất ngay lập tức MTDTGPMN và Liên minh các lực lượng dân chủ và hòa bình. Họ bị loại trừ. Bà DQH xin ra khỏi đảng, nhưng thời đó thủ tướng Phạm văn Đồng đồng ý với điều kiện bà phải giữ im lặng. Nhưng sự im lặng đó không kéo dài được lâu khi bà phải chứng kiến quá nhiều điều “phản cách mạng” từ khi đảng CS Việt Nam thực thi cái lý tưởng mà bà đã hy sinh cả đời sống cho nó”.

Cũng xin nói thêm, bà Dương Quỳnh Hoa (DQH) theo học và tốt nghiệp y khoa bác sĩ tại Paris, về Sài Gòn năm 1954, là người con út của ông Dương Minh Thới giáo sư trường Sư Phạm Sài Gòn. Trong thập niên 1950, bác sĩ DQH có mở phòng khám bệnh trên đường Bà Huyện Thanh Quan, Sài Gòn. Có lần các giáo sư Nguyễn văn Chì, giáo sư Lê văn Chí, giáo sư Lê văn Huân... họp bí mật trên lầu phòng mạch này. Năm 1969, bà DQH giữ chức bộ trưởng Y tế trong CPCMLTCHMNVN. Tổ chức bí mật này cũng ở Tân Biên, bà DQH cũng là một trong những nạn nhân của chất độc khai quang .

Giáo sư Lê văn Huân là một trong những trí thức miền Nam, giáo sư trường Sư Phạm, sau đó chuyển về dạy trường Petrus Ký Sài Gòn, là em thứ mười, cùng cha khác mẹ với bác sĩ Lê văn Hoạch, đã có thời làm Thủ hiến Nam Kỳ.

Tôi xin trích một đoạn trong sách “ Từ Dòng Sông Quê Mẹ” của Gs Lê văn Huân: “Năm 1963, cơ quan của MTDTGPMN (có trụ sở ở xã Tân Lập ngày nay) gồm có ba nhà lá lớn, một cái bếp và một văn phòng. Bốn người ở chung một nhà ... Sau vì lý do an ninh, nên phải phân tán ra. Mỗi người ở một cái nhà riêng biệt. Nói là nhà, đúng ra là một cái chòi lợp bằng lá, lá trung quán rất tốt. Khô lại lá này cứng hơn cả lá dừa nước. Nhà không có vách, có cửa gì cả. Một bên là cái sạp đủ cho một người nằm. Để che mưa che gió, có một tấm ny long làm vách. Phía bên kia là cái võng ny long. Chính giữa là cái hầm núp. Khi nghe tiếng máy bay thì nhảy ngay xuống đó. Mỗi khi trời mưa, bò cạp núi từ ngoài rừng bò vào cùng với rắn, rít. Có khi chúng nó rượt cắn lộn nhau trên mái nhà nghe rào rào, thậm chí nhiều khi rớt xuống giương, xuống võng. Đi đâu cũng phải trang bị một cây gậy, vì có thể gặp rắn bất cứ lúc nào. Ban đêm phải có đèn pin. Mỗi khi muốn bước chân xuống đất, động tác đầu tiên là rọi đèn pin xuống dép, nhiều khi rắn chàm quạp (một loại rắn độc, nhỏ con, hay nằm khoanh vào những chỗ có hơi ẩm) nằm ngay trong dép hoặc chỗ sắp bước lên, rất nguy hiểm. Có nhiều khi kiến bù nhọt, không biết từ đâu, bò đến đen cả sân, nếu không có đèn, mình sẽ dẫm lên nó thì rắc rối lắm.

Năm đó chỗ chúng tôi ở không còn thú giữ như cọp, beo hay voi nữa. Hình như chúng đã đi lần về phía Bắc, nơi những cánh rừng bạt ngàn trong dãy Trường Sơn. Chỉ còn có nai, hươu, mễn. Còn chồn thì nhiều lắm. Anh em nuôi gà làm chuồng đàng hoàng, nhưng đêm nào chồn cũng có cách bắt mất một vài con gà. Xa nơi ở một chút, có một dòng suối chảy trên đá. Nó chảy âm thầm, len giữa những hốc đá gốc cây, nước mát lạnh. Muốn tắm phải lựa chỗ có nắng, làm vài động tác thể dục, rồi bắt đầu lấy nước thoa mình cho đều, sau đó mới xối nước để tránh lạnh.

Vào mùa khô, nước trong veo, nhưng mùa mưa, nước dâng cao đục ngầu, không dùng được... Những khi giông mưa thì phải cảnh giác, vì cây cối to có thể ngã đè trên đầu mình bất cứ lúc nào. Rừng che chở con người, nuôi sống con người, nhưng nhiều khi chính nó cũng vùi dập con người là thế “.

Cũng theo sách đã trích dẫn trên, thì trong thời gian này có nhiều phái đoàn quốc tế đến thăm Mặt trận. Trước hết là nhà báo thiên tả Úc (Australia) Wilfred Burchett đến nhiều lần và có thâu băng bài phát biểu của ông Nguyễn Hữu Thọ. Phái đoàn Cu-ba do ông Raoul Valdes hướng dẫn, và nữ phái viên của Fidel Castro là Martha Rojas cũng đến thăm. Có cả phái đoàn của Trung Quốc.

Sau Tết Mậu Thân, một số trí thức, đã được đưa vào vùng này để thành lập “Liên Minh các Lực Lượng dân tộc, dân chủ và Hòa bình Việt Nam” do luật sư Trịnh Đình Thảo làm chủ tịch và gồm nhiều người khác như giáo sư Nguyễn văn Kiệt, Hoà Thượng Thích Đôn Hậu, kỹ sư Lâm văn Tét, bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, nhà văn Thanh Nghị, sinh viên Lê Hiếu Đằng v.v... ông Tôn Thất Dương Kỳ làm tổng thư ký của Liên Minh.. (TDSQM).

Sau biến cố lịch sử 1975, giáo sư Lê văn Huấn (LVH) trở về Sài Gòn tìm lại nhà cửa và vợ con, ông chỉ còn có đủ thời giờ nói lời vĩnh biệt với người vợ hiền trước khi bà qua đời, vì bà đã bị bệnh nằm liệt giường từ năm năm qua. Bà giáo Nguyễn thị Lãnh, hiền phụ của giáo sư Huấn, người gốc ở Gò Công, thời học sinh đã từng là hoa khôi của trường Áo Tím (TH. Gia Long), đã suốt đời hy sinh vì chồng con. Về nhà cửa, giáo sư LVH được người cháu hướng dẫn đến ở nhà bác sĩ Lê văn Hoạch ở số 147 đường Yên Đỗ, Sài Gòn. Nhà này bỏ trống, vì vợ con của bác sĩ Hoạch đã di tản ra nước ngoài, còn ông thì ở Cần Thơ chỉ lên xuống chớ không ở hẳn Sài Gòn. Nhà bấy giờ chỉ có vợ chồng người phụ việc ở giữ nhà. Khi giáo sư LVH đến ở, có nhờ vợ chồng người giúp việc cũ ở đó lo cơm nước dọn dẹp mỗi ngày, thì được trả lời :

- Lương của chú không đủ tiền cho tôi đi chợ đâu !!! (nguyên văn TDSQM)

Thế là dù ở nhà đó, nhưng mỗi ngày ông phải mua bánh mì ăn với chuối hoặc đôi khi có chả lụa. Sở dĩ tôi xin phép dài dòng như vậy để thấy được nỗi khổ lúc bấy giờ, một tâm trạng éo le đến với đồng bào Sài Gòn “*tang tóc mỉm cười, niềm vui thốn thức !*” (le deuil sourit, la joie soupire).

Sau một tháng, cơn bệnh tái phát, giáo sư LVH phải vào bệnh viện cho đến ngày nhắm mắt lìa đời.

Có những nhà trí thức đã có thời từng sống trong rừng núi Tân Biên, họ suốt đời đã theo đuổi và hy sinh cho “lý tưởng” nhưng họ đã được gì ?! và đã còn gì ? ! Nhân sinh là thế đấy :

“ *Trắng tay từ thuở chào đời,*

Cũng hoàn tay trắng khi rời thế gian ! ” (Th.A ?)

Đến đây, chắc cũng có người liên tưởng đến Truyện Kiều mà suy ngẫm:

“ *Nỗi niềm tưởng đến mà đau,*

Thấy người nằm đó biết sau thế nào ? “

hay là

“ *Nàng rằng : Vì mấy đường tơ,*

Lắm người cho đến bây giờ mới thôi ! “

Tân Biên đầy thăng trầm, sau cơn ác mộng, ngày nay vẫn lặng lẽ, trầm lắng. Tân biên sau bao năm chinh chiến...người dân có quyền hy vọng, mảnh đất này quên đi nỗi buồn chiến tranh, nước sông Vàm Cỏ Đông sẽ xoa dịu nỗi bất hạnh trong quá khứ, mỗi mùa mưa nắng qua đi, theo sau phải là cuộc sống trẻ trung tiến bộ, đời sống phải được ấm no, người dân không bị đàn áp và phải được nói lên tiếng nói tự do, dân chủ trung thực của mình.